

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2026/HS-ST

Ngày: 09-02-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Bà Nguyễn Thị Lại

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký TAND khu vực 2 – Bắc Ninh

Đại diện VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh M – Kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2026/TLST - HS ngày 16/01/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2026/QĐXXST-HS ngày 22/01/2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T**, sinh ngày 24/02/2000; Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản T, xã P, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn C và bà Lương Thị P; Vợ, con: chưa có;

Tiền án: Bản án số 123/2023/HSST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ- Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Nội) xử phạt T 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; T chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/5/2025, chấp hành xong án phí ngày 25/3/2024, chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự.

- Nhân thân:

+ Bản án số 67/2018/HSST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông- Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6- Hà Nội) xử phạt T 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi).

+ Bản án 319/2019/HSST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai- Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Nội) xử phạt T 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi). Tổng hợp hình phạt của bản án số 67/2018/HSST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông- Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6- Hà Nội) buộc

T chấp hành hình phạt chung là 16 tháng tù. T chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/10/2020.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/9/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại V- Trại tạm giam số 2- Công an tỉnh B.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn V – sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố Hà Nội

2. Chị Trần Thị L – sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn H, xã P, thành phố Hà Nội

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1986

Địa chỉ: khu 5, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh

2. Anh Hoàng Công H1 – sinh năm 1989

Địa chỉ: tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh

3. Anh Hoàng Công Đ – sinh năm 1973

Địa chỉ: tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh

4. Anh Nguyễn Minh Đ1 – sinh năm 1998

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh

5. Chị Nguyễn Thị T1 – sinh năm 1996

Địa chỉ: tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lò Văn T, sinh năm 2000, trú tại bản T, xã P, tỉnh Lai Châu đang có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 19/9/2025, T đến phường N, tỉnh Bắc Ninh để xin việc làm nhưng chưa xin được việc nên sống lang thang tại phường N. Do cần tiền chi tiêu, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền. Đêm ngày 23/9/2025, rạng sáng ngày 24/9/2025, T đi bộ lang thang trên đường thuộc tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh tìm ai để tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khoảng 02 giờ ngày 24/9/2024, T đi đến dãy nhà đang xây dựng LK8 Khu đô thị T, thuộc tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh, rồi vòng ra phía sau dãy nhà thì thấy lô số 4 của dãy nhà có cửa mở tầng 1, nhưng xung quanh không có người nên đi vào bên trong trộm cắp tài sản. T đi vào bên trong tầng 1, thấy có một số người đang ngủ trên giường. T đi đến giường ngủ của anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã P, thành phố P, V đang nằm ngủ cùng hai người khác, phát hiện 01 điện thoại di động Iphone Xsmax-256GB, màu đen, không lắp sim của anh V đang cắm sạc pin để ở phía chân giường. T lén lút dùng tay rút điện thoại ra khỏi sạc pin rồi cất giấu vào túi quần bên trái đang mặc. Tiếp đó, T đi đến giường ngủ của chị Trần Thị L, sinh năm 1974, trú tại thôn H, xã P, thành phố Hà Nội đang ngủ cùng với người khác trên giường, phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16K màu xanh, bên trong lắp 01 thẻ sim nhà mạng V1, ống lưng điện thoại bằng nhựa trong suốt đã ố màu nâu vàng là tài sản của chị L đang sạc pin để ở đầu

giường. T dùng tay rút điện thoại của chị L ra khỏi sạp pin, cất giấu vào túi quần bên trái đang mặc, đồng thời T đi theo lối cũ bỏ đi khỏi dãy nhà đang xây dựng. T đi bộ đến khu vực dải phân cách giữa đường cao tốc Hà Nội- Bắc Giang, đoạn trên hầm chui số 5 qua đường cao tốc, thuộc địa phận phường N, tỉnh Bắc Ninh, là nơi T thường ngủ bỏ 02 chiếc điện thoại vừa trộm cắp được ra kiểm tra. T phát hiện thấy trong ốp lưng điện thoại OPPO có 02 mảnh giấy ghi chữ và số, 1 mảnh có ghi “Loan080974” và “140874”, 1 mảnh còn lại ghi chữ “VneID”, “Mật khẩu: Loan 1974@”, “passcode: 123456”. T dựa theo các chữ, số trên thì mở được mã khoá màn hình điện thoại là “140874”. Khi mở được khoá màn hình điện thoại di động của chị L, T thấy trong điện thoại có ứng dụng ngân hàng M2. T dựa theo nội dung các chữ số trên 02 mảnh giấy trên nhập “Loan080974” thì mở được tài khoản ngân hàng. T kiểm tra thấy chủ tài khoản mang tên TRAN THI LOAN, số tài khoản 0338533979 có tiền nên nảy sinh ý định lấy trộm tiền trong tài khoản. T thao tác chọn chức năng nạp tiền điện thoại để nạp số tiền 10.000 đồng vào chính số sim điện thoại đang được gắn trên điện thoại thì thấy ứng dụng ngân hàng yêu cầu xác thực việc nạp tiền bằng mã số xác thực chuyển tiền. Do T không biết mã số xác thực chuyển tiền nên T chọn chức năng “Quên mật khẩu” để đặt lại mã xác thực theo ý T. Sau khi thấy có tin nhắn SMS của ngân hàng M2 gửi mã OTP xác thực vào tin nhắn số điện thoại trên máy thì T nhập mã OTP vào theo hướng dẫn rồi tự đặt mã số xác thực để thực hiện chuyển tiền là “110525”, mục đích để thực hiện chiếm đoạt tiền trong tài khoản của chị L. Để lấy được tiền trong tài khoản ngân hàng, T đi đến các quán bán tạp hóa, bán hàng ăn và quán G trên địa bàn tổ dân phố N, phường N để mua hàng đồng thời chuyển khoản cho chủ cửa hàng để đổi lấy tiền mặt sử dụng chi tiêu. Từ 03 giờ 32 phút đến 08 giờ 00 cùng ngày 24/9/2025, T thực hiện 05 lần chuyển khoản tiền với số tiền trên 2.000.000 đồng mỗi lần trong tài khoản để lấy tiền mặt từ tài khoản ngân hàng của chị L, cụ thể:

- Hồi 04 giờ 39 phút ngày 24/9/2025, T chuyển số tiền 5.115.000 đồng vào tài khoản số 0945373904 ngân hàng M2 của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986, trú tại khu E, phường V, tỉnh Bắc Ninh, là chủ ki ốt bán bánh mì tại tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh để mua bánh mì và đổi tiền mặt. Trong đó 15.000 đồng là trả tiền bánh mì, còn 5.100.000 đồng lấy tiền mặt. Khi hỏi mua bánh mì và đổi tiền mặt, T không nói cho chị H biết đây là tài sản do T phạm tội mà có.

- Hồi 05 giờ 57 phút ngày 24/9/2025, T chuyển số tiền 2.030.000 đồng vào tài khoản số 8882838659 ngân hàng B của anh Hoàng Công H1, sinh năm 1989, trú tại tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh là chủ quán I để mua thuốc lá, nước uống và đổi tiền mặt. Trong đó 30.000 đồng trả tiền thuốc và nước, 2.000.000 đồng đổi lấy tiền mặt. Khi hỏi mua hàng và đổi tiền T không nói cho anh H1 biết đây là tài sản do T phạm tội mà có.

- Hồi 06 giờ 16 phút ngày 24/9/2025, T chuyển số tiền 5.050.000 đồng vào tài khoản số 0366660215 ngân hàng V2 của cửa hàng tạp hóa do anh Hoàng Công Đ, sinh năm 1973, trú tại tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh để mua bánh kẹo và đổi tiền mặt. Trong đó có 50.000 đồng trả tiền bánh kẹo, 5.000.000 đồng đổi tiền mặt. Khi hỏi mua hàng và đổi tiền T không nói cho anh Đ biết đây là tài sản do T phạm tội mà có.

- Hồi 07 giờ 27 phút ngày 24/9/2025, T chuyển số tiền 5.140.000 đồng vào tài khoản số 9329123198 ngân hàng V3 của anh Nguyễn Minh Đ1, sinh năm 1998, là chủ cửa hàng điện thoại “Minh Đức M1” tại tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh để mua thẻ điện thoại và đổi tiền mặt. Trong đó có 140.000 đồng trả tiền mua thẻ điện thoại, 5.000.000 đồng đổi tiền mặt. Khi hỏi mua hàng và đổi tiền T không nói cho anh Đ1 biết đây là tài sản do T phạm tội mà có.

- Hồi 08 giờ 00 phút ngày 24/9/2025, T chuyển số tiền 2.040.000 đồng vào tài khoản số 19969666666 ngân hàng Á của cửa hàng T2, tại tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh do chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1996 làm chủ để mua hàng và đổi tiền mặt. Trong đó, 40.000 đồng trả tiền mua hàng, 2.000.000 đồng đổi tiền mặt. Khi hỏi mua hàng và đổi tiền T không nói cho chị T1 biết đây là tài sản do T phạm tội mà có.

Ngoài ra, ngoài 05 lần mua hàng kết hợp đổi tiền mặt như trên, T còn thực hiện 07 lần chuyển tiền để mua bán hàng hóa của những người khác với tổng số tiền 268.000 đồng. Tổng số tiền T chiếm đoạt từ tài khoản ngân hàng của chị L là 19.643.000 đồng.

Về phía chị Trần Thị L, sau khi ngủ dậy phát hiện bị mất trộm điện thoại nên đã đến ngân hàng sao kê tài khoản thì phát hiện mất trộm tiền trong tài khoản nên chị L đã rút toàn bộ số tiền còn lại trong tài khoản, đồng thời yêu cầu ngân hàng khóa tài khoản. Sau đó, chị L đến Công an phường N, tỉnh Bắc Ninh trình báo sự việc đồng thời giao nộp bản sao kê các giao dịch chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của chị L phục vụ công tác điều tra.

Cùng ngày 24/9/2025, khi biết hành vi trộm cắp tài sản đã bị phát hiện, T đã đầu thú với Công an phường N và giao nộp: 01 điện thoại Iphone Xsmax-256GB, màu đen, có đặt mặt khẩu màn hình; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A16k, màu xanh, số IMEI 1: 863348055270374; số IMEI 2: 8633348055270366, bên trong lắp 01 sim điện thoại số 0338.533.979, bên ngoài gắn 01 ốp lưng bằng nhựa trong suốt đã ố màu nâu vàng. Trong ốp lưng điện thoại có 02 mảnh giấy, bên trong mỗi mảnh giấy có ghi chữ và số, một mảnh có ghi: “Loan080974” và “140874”, một mảnh có ghi: “VneID”, “Mặt khẩu: Loan1974@” và “passcode: 123456” và số tiền mặt 12.000.000 đồng. Công an phường N, tỉnh Bắc Ninh tiến hành kiểm tra việc sử dụng trái phép chất ma túy đối với T bằng que test, kết quả dương tính với chất ma túy Heroine nhóm MOP.

Ngày 25/9/2025, Công an phường N bàn giao Lò Văn T và các tài liệu, đồ vật liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra 02 điện thoại di động thu giữ; kết quả: điện thoại di động Iphone XS Max có mã khóa màn hình như anh V cung cấp và bên trong điện thoại có hình ảnh cá nhân của anh V, điện thoại di động OPPO có thông tin cá nhân và tài khoản ngân hàng của chị L.

Trong các ngày 25/9/2025, 01/10/2025 và 05/11/2025, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra điện thoại của chị Nguyễn Thị T1, Hoàng Công H1, Nguyễn Minh Đ1 và Nguyễn Thị H đều xác định có thể hiện giao dịch nhận tiền từ tài khoản ngân hàng của chị L chuyển đến ngày 24/9/2025.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20 ngày 28/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự phường N, tỉnh Bắc Ninh, kết luận về tài sản của anh V, chị L bị trộm cắp ngày 24/9/2025 có tổng trị giá: 5.425.000 đồng, trong đó: 01 điện

thoại di động nhãn hiệu Oppo A16K trị giá 700.000 đồng; 01 phôi sim điện thoại giá 25.000 đồng; 01 ốp điện thoại nhựa trong suốt đã bị ố vàng trị giá 0 đồng; 01 chiếc điện thoại di động Iphone Xsmax- 256GB trị giá 4.700.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 130/CT-VKS ngày 13/01/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Lò Văn Thành ra trước Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là không oan, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 02 năm 06 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 25/9/2025.

Ngoài ra còn đề nghị về trách nhiệm dân sự và án phí.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên

Lời nói sau cùng: bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: tại phiên toà bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Lò Văn T đang có 01 tiền án. Khoảng 02 giờ ngày 24/9/2025, tại khu giường ngủ ở tầng 1 lô số 4, dãy nhà đang xây dựng LK8 Khu đô thị T, thuộc tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh; T đã lén lút thực hiện trộm cắp liên tiếp được: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax- 256GB, màu đen, trị giá 4.700.000 đồng là tài sản của Nguyễn Văn V, sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã P, thành phố Hà Nội; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K, màu xanh bên trong lắp 01 sim, vỏ ốp lưng bằng nhựa có tổng trị giá 725.000 đồng là tài sản của chị Trần Thị L, sinh năm 1974, trú tại thôn H, xã P, thành phố Hà Nội, khi anh V, chị L đang ngủ say. Sau khi trộm cắp được điện thoại di động của chị L, cùng ngày 24/9/2025, T lén lút đăng nhập phần mềm ứng dụng tài khoản ngân hàng M2 số 0338533979 của chị L cài đặt trên điện thoại để trộm cắp tiền tài khoản bằng cách thanh toán tiền mua hàng và đổi tiền tài khoản lấy tiền mặt, với tổng số tiền chiếm đoạt 19.643.000 đồng. Trong các lần chiếm đoạt tiền trong tài khoản ngân hàng, có 05 lần T thực hiện chiếm đoạt số tiền mỗi lần trên 2.000.000 đồng (tổng cộng là 19.375.000 đồng). Tổng trị giá tài sản T trộm cắp các lần của hai bị hại trong vụ án là 25.068.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ được điện thoại di động và số tiền 12.000.000 đồng còn lại bị cáo trộm cắp để trả lại bị hại.

[4] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng số 130/CT-VKS ngày 16/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Xét về nhân thân, tiền án, tiền sự, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án đưa ra xét xử về hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” và “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú và tự nguyện giao nộp lại gần hết số tài sản đã chiếm đoạt để trả lại các bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án đưa ra xét xử và áp dụng hình phạt nghiêm khắc, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, do vậy

cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

Xét về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử thấy là cao so với hành vi phạm tội của bị cáo, cần áp dụng một mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh V không yêu cầu bồi thường dân sự. Chị L yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền 7.643.000 đồng, hiện tại bị cáo chưa bồi thường được số tiền nào, cần buộc bị cáo bồi thường cho chị L số tiền trên là phù hợp với quy định tại Điều 589 Bộ luật dân sự.

[9] Về xử lý vật chứng: Số tiền chiếm đoạt của chị L, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết số tiền 7.643.000 đồng, còn lại 12.000.000 đồng tiền mặt giao nộp khi đầu thú. Cơ quan điều tra đã trả lại chị L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16K màu xanh (bao gồm sim và ốp điện thoại) và số tiền 12.000.000 đồng; trả lại anh Nguyễn Văn V: 01 điện thoại di động Iphone Xsmax-256GB. Như vậy vụ án không còn vật chứng cần xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với việc T dương tính với chất ma túy Heroine, quá trình điều tra T khai nhận: T sử dụng số tiền mặt 200.000 đồng trong số tiền chiếm đoạt được của chị L để mua ma túy của người thanh niên không biết là ai tại sườn đường gom gần khu vực hầm chui qua đường cao tốc thuộc tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh, sau đó mang về địa điểm T thường ngủ để tự sử dụng một mình bằng hình thức trích vào mạch máu. Do T không biết thông tin của người bán trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không có căn cứ đề cập xử lý. Bản thân T không thuộc trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, nên hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T không cấu thành tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Công an phường N, tỉnh Bắc Ninh đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định pháp luật.

[11] Đối với những người nhận tiền chuyển khoản từ T là chị H, anh H1, anh Đ, anh Đ1, chị T1 đều không biết T sử dụng tiền chiếm đoạt của người khác để mua hàng và đổi tiền mặt, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Bị cáo đang bị tạm giam, cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án theo quy định tại Điều 329 Bộ luật hình sự.

[13] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lò Văn T 02 năm (*hai năm*) tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/9/2025.

2. Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Lò Văn T phải bồi thường cho chị Trần Thị L số tiền 7.643.000 đồng (*Bảy triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hình sự sơ thẩm và 382.150 đồng (*Ba trăm tám mươi hai nghìn một trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 BLTTHS 2015

Báo cho bị cáo có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC10 Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Tuyết

